

UNIT 5: OUR CUSTOMS AND TRADITIONS

I/ NEW WORDS: COMMUNICATION

1.wait for	(v): chờ, đợi
2.host /hoʊst/	(n): chủ nhà
3.hit	(v): đánh,đánh trúng
4.perform /pə'fɔ:m/	(v): biểu diễn, trình diễn
5.performer /pə'fɔ:.mə/	(n): người biểu diễn
6.celebrate /'sel.ə.breɪt/	(v): kỷ niệm
7.celebration /,sel.ə'breɪ.ʃən/	(n): sự kỷ niệm
8.occasion /ə'keɪ.ʒən/	(n): dịp, cơ hội
9. business opening /'bɪz.nɪs/	(n): khai trương kinh doanh
10.acrobatics /,æk.rə'bæt.ɪks/	(n): xiếc, các động tác nhào lộn
11.control /kən'trəʊl/	(v): điều chỉnh, điều khiển
12.purpose /'pɜ:.pəs/	(n): mục đích
13.unicorn /'ju:.nɪ.kɔ:rn/	(n): con kỳ lân
14. success /sək'ses/	(n): sự thành công